

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯM'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐST

Ngày 09 – 8 – 2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Đỗ Văn Tha.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Thanh Thẩm

2. Bà Bùi Thị Hà

***Thư ký phiên toà:*** Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar, tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà:*** Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện CưM'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2021/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST- DS, ngày 20 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1977, có mặt

Bị đơn: Ông Bùi Văn P, sinh năm 1973, có mặt

Cùng nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Cùng nơi cư trú: 35 đường X, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Trần Thị T trình bày:***

Tôi và ông Bùi Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk ngày 14/3/2001. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tôi và ông P không hợp tính nết, không thông cảm cho nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Nay tôi cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Bùi Văn P.

Về con chung: Tôi và ông P có 03 con chung, là cháu Bùi Quang Tr, sinh ngày 06/4/2002, cháu Bùi Quang V, sinh ngày 08/01/2004 và cháu Bùi Trần Thủy N, sinh ngày 30/4/2007, cả ba cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Tôi mong muốn được nuôi dưỡng cháu N và giao cháu V cho ông P nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Cháu Tr đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con chung tôi không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

***Trong quá trình tố tụng bị đơn Bùi Văn P trình bày:***

Về quan hệ kết hôn, con chung, tài sản chung tôi thống nhất với lời khai của bà Trần Thị T. Về mâu thuẫn vợ chồng, tôi thấy giữa tôi và bà T tính nết không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, bà T tỏ ý không tôn trọng tôi, tôi cố gắng níu kéo đến mấy thì bà T vẫn thờ ơ, cuộc sống chung của vợ chồng trong gia đình rất nặng nề, khoảng 1 năm nay vợ chồng sống ly thân. Tuy nhiên, tôi không muốn con cái tôi thấy cảnh bố mẹ ly hôn nên tôi không đồng ly hôn với bà T.

Về con chung: Nếu phải ly hôn, tôi mong muốn được nuôi dưỡng Vinh và giao cháu N cho bà T nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con chung tôi không yêu cầu giải quyết. Cháu Tr đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị T. Bà T được ly hôn với ông P.

Về con chung: Giao cháu Bùi Trần Thủy N, sinh ngày 30/4/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Bùi Quang V, sinh ngày 08/01/2004 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Bùi Văn P kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/3/2001 tại UBND xã Q, huyện CuM'gar, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Ông P và bà T cùng thừa nhận vợ chồng sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống không có sự tôn trọng lẫn nhau và vợ chồng sống ly thân khoảng một năm. Qua xác minh tại địa phương xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông P là do vợ chồng tính tình không hợp, không tin tưởng lẫn nhau năm 2020 bà T đã làm đơn ly hôn sau đó thì rút đơn. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông P không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, nếu bà T và ông P là người có trách nhiệm chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình thì chắc rằng mọi sai sót đã được khắc phục kịp thời. Tuy nhiên, cả bà T và ông P lại thờ ơ, bỏ mặc làm cho tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Như vậy việc bà T làm đơn ly hôn với ông P là chính đáng cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Giữa bà T và ông P có 3 con chung là: Bùi Quang Tr, sinh ngày 06/4/2002, Bùi Quang V, sinh ngày 08/01/2004 và Bùi Trần Thủy N, sinh ngày 30/4/2007, cả ba cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, cháu Tr đã trên 18 tuổi. Xét yêu cầu của đương sự cũng như điều kiện để chăm sóc con chung; Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Bùi Trần Thủy N, sinh ngày 30/4/2007 cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, giao cháu Bùi Quang V, sinh ngày 08/01/2004 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

Các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 **Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016** của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 **Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị T;

Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Bùi Văn P.

Về con chung: Giao cháu Bùi Trần Thủy N, sinh ngày 30/4/2007 cho bà Trần Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi;

Giao cháu Bùi Quang V, sinh ngày 08/01/2004 cho ông Bùi Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 60AA/2021/0001027, ngày 10/4/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐỖ VĂN THA**